

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 131-CP

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 1980



QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC CÔNG NHẬN CHỨC VỤ KHOA HỌC (ĐỢT I)

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Quyết định số 162-CP ngày 11/9/1976 của Hội đồng Chính phủ về hệ thống chức vụ khoa học và tiêu chuẩn các chức vụ khoa học trong lĩnh vực công tác giảng dạy đại học và công tác nghiên cứu khoa học;

Căn cứ Quyết định số 271-CP ngày 1/10/1977 của Hội đồng Chính phủ về việc công nhận chức vụ Giáo sư và Phó Giáo sư trong lĩnh vực giảng dạy đại học và nghiên cứu khoa học;

Theo đề nghị của các đồng chí Bộ trưởng và thủ trưởng các ngành có trường đại học và viện nghiên cứu và của Chủ tịch Hội đồng xét duyệt Trung ương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận chức vụ khoa học giáo sư cho 83 cán bộ và phó giáo sư cho 347 cán bộ làm công tác giảng dạy đại học và nghiên cứu khoa học (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các đồng chí Bộ trưởng Phủ Thủ tướng, Bộ trưởng các Bộ có liên quan, Chủ tịch Hội đồng xét duyệt Trung ương và những cán bộ có tên trong danh sách kèm theo, chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**TM. HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Phạm Văn Đồng

DANH SÁCH

**CÁN BỘ ĐƯỢC CÔNG NHẬN CHỨC VỤ KHOA HỌC.
(Kèm theo Quyết định số 131-CP ngày 29/4/1980)**

A. CHỨC VỤ GIÁO SƯ

I. Liên ngành toán học, máy tính, điều khiển học và cơ học lý thuyết.

- | | |
|--------------------|--------------|
| 1. Đặng Đình Áng | Toán cơ |
| 2. Phan Đình Diệu | Toán lô gích |
| 3. Nguyễn Văn Đạo | Toán cơ |
| 4. Hoàng Xuân Sinh | Đại số |

5. Nguyễn Cảnh Toàn	Hình học
6. Hoàng Tụy	Toán ứng dụng
7. Nguyễn Ngọc Trân	Toán cơ

II. Liên ngành vật lý và thông tin liên lạc.

8. Dương Trọng Bái	Vật lý hạt nhân
9. Vũ Đình Cự	Vật lý chất rắn
10. Nguyễn Văn Hiệu	Vật lý lý thuyết
11. Nguyễn Đình Tứ	Vật lý hạt nhân

III. Liên ngành hóa học, công nghệ hóa học và công nghệ thực phẩm.

12. Nguyễn Thạc Cát	Hóa phân tích
13. Phạm Đồng Điện	Hóa học
14. Nguyễn Đình Huệ	Hóa lý
15. Chu Phạm Ngọc Sơn	Hóa lý
16. Lê Văn Thới	Hóa hữu cơ

IV. Ngành sinh vật.

17. Phạm Hoàng Hộ	Thực vật học
18. Đặng Ngọc Thanh	Động vật không xương sống
19. Đào Văn Tiến	Động vật có xương

V. Liên ngành nông, lâm, ngư nghiệp

20. Đỗ Ánh	Nông hóa thổ nhưỡng
21. Lê Văn Căn	Nông hóa thổ nhưỡng
22. Bùi Huy Đáp	Trồng trọt
23. Vũ Công Hậu	Cây công nghiệp
24. Đồng Sĩ Hiền	Lâm nghiệp
25. Đào Thế Tuấn	Trồng trọt
26. Trịnh Văn Thịnh	Thú y
27. Lê Duy Thuộc	Phân vùng địa lý thổ nhưỡng
28. Thái Văn Trùng	Sinh thái rừng
29. Võ Tông Xuân	Trồng trọt lúa

VI. Liên ngành xây dựng, thủy lợi và giao thông.

30. Nguyễn Văn Cung	Thủy lợi
31. Đặng Hữu	Đường ô tô
32. Nguyễn Văn Hường	Cơ học kết cấu công trình
33. Đỗ Quốc Sam	Xây dựng dân dụng và công nghiệp

VII. Liên ngành khoa học về trái đất.

34. Nguyễn Văn Chiên	Địa chất
35. Trần Kim Thạch	Địa chất

VIII. Liên ngành y và dược học.

36. Vũ Triệu An	Sinh lý bệnh
37. Nguyễn Tăng Âm	Dịch tễ học
38. Hoàng Đình Cầu	Phẫu thuật phổi

39. Nguyễn Trinh Cơ	Ngoại khoa
40. Nguyễn Ngọc Doãn	Nội khoa tim mạch
41. Bùi Đại	Nội khoa truyền nhiễm
42. Nguyễn Văn Đán	Dược liệu
43. Từ Giấy	Vệ sinh dinh dưỡng
44. Đặng Đình Huân	Nội khoa thần kinh và tâm thần
45. Nguyễn Thế Khánh	Nội khoa
46. Phạm Khuê	Nội khoa
47. Đỗ Tất Lợi	Dược liệu
48. Nguyễn Thúc Mậu	Tổ chức chiến thuật quân y
49. Nguyễn Vĩnh Niên	Dược khoa
50. Hoàng Thủy Nguyên	Ví rút học
51. Nguyễn Dương Quang	Ngoại khoa tổng hợp
52. Phạm Khắc Quảng	Bệnh lao
53. Nguyễn Sĩ Quốc	Phòng dịch
54. Phạm Biểu Tâm	Ngoại khoa tổng hợp
55. Nguyễn Thiện Thành	Sinh lý thần kinh cao cấp
56. Đỗ Dương Thái	Ký sinh trùng
57. Phạm Gia Triệu	Phẫu thuật thần kinh sọ não
58. Nguyễn Tấn Gi Trọng	Sinh lý học
59. Đặng Đức Trạch	Vĩ sinh vật y học
60. Võ Văn Vinh	Nội khoa tiêu hóa
61. Trương Công Trung	Ngoại khoa

IX. Liên ngành khoa học kinh tế.

62. Vũ Văn Dung (Trần Phương)	Kinh tế học
63. Mai Hữu Khuê	Kinh tế nông nghiệp
64. Nguyễn Tấn Lập	Toán kinh tế
65. Nguyễn Ngọc Minh	Kinh tế học
66. Trần Linh Sơn	Tín dụng
67. Đào Văn Tập	Kinh tế thế giới
68. Đoàn Trọng Truyến	Quản lý kinh tế

X. Liên ngành khoa học xã hội.

69. Nguyễn Công Bình	Sử học
70. Nguyễn Tài Cần	Ngôn ngữ học
71. Phạm Như Cương	Triết học
72. Lê Khả Kế	Thuật ngữ khoa học
73. Đinh Gia Khánh	Văn học dân gian
74. Đặng Vũ Khiêu	Triết học
75. Phan Huy Lê	Lịch sử cổ trung đại Việt
76. Lưu Hữu Phước	Âm nhạc
77. Trần Đức Sắc (Văn Tân)	Cổ sử
78. Hà Văn Tấn	Khảo cổ
79. Trần Đình Thọ	Hội họa
80. Hồ Tôn Trinh	Văn học nước ngoài
81. Hoàng Tuệ	Ngôn ngữ
82. Lê Trí Viễn	Văn học Việt Nam
83. Trần Quốc Vượng	Khảo cổ

(Tám mươi ba giáo sư)

B. PHÓ GIÁO SƯ

I. Liên ngành toán học, máy tính và điều khiển.

1. Nguyễn Văn Ba	Máy tính
2. Đào Huy Bích	Toán cơ
3. Phan Đức Chinh	Giải tích hàm
4. Hoàng Chúng	Phương pháp giải toán dạy toán
5. Đinh Nho Chương	Tô pô
6. Kim Cương	Lý thuyết xác suất
7. Nguyễn Đình Điện	Hình học
8. Tạ Văn Đình	Phương pháp tính
9. Hoàng Hữu Đường	Phương trình vi phân
10. Lê Hữu Hạnh	Lý thuyết xác suất
11. Trần Văn Hạo	Đại số
12. Nguyễn Bá Hào	Máy tính
13. Trần Vinh Hiền	Lý thuyết xác suất
14. Phạm Văn Hoàn	Phương pháp giải dạy toán
15. Nguyễn Thừa Hợp	Phương trình đạo hàm riêng
16. Nguyễn Xuân Hùng	Cơ lý thuyết
17. Nguyễn Lãm	Máy tính
18. Ngô Thúc Lanh	Đại số
19. Nguyễn Thúc Loan	Điều khiển học
20. Hoàng Hữu Như	Xác suất
21. Đoàn Quỳnh	Hình học vi phân
22. Phạm Hữu Sách	Đại số
23. Phạm Ngọc Thao	Phương trình đạo hàm riêng
24. Lại Đức Thịnh	Số học
25. Nguyễn Đình Trí	Phương trình vật lý toán
26. Bùi Tường	Cơ học
27. Nguyễn Bác Văn	Xác suất

II. Liên ngành vật lý học và thông tin liên lạc.

28. Nguyễn An	Vật lý chất rắn
29. Phan Anh	Lý thuyết và thiết bị ăng-ten
30. Lương Duyên Bình	Vật lý đại cương
31. Nguyễn Xuân Chánh	Vật lý điện tử
32. Nguyễn Châu	Vật lý chất rắn
33. Cao Chi	Vật lý lý thuyết
34. Nguyễn Hữu Chi	Vật lý điện tử
35. Nguyễn Khang Cường	Vô tuyến điện
36. Đàm Trung Đôn	Vật lý chất rắn
37. Đào Vong Đức	Vật lý lý thuyết
38. Phạm Văn Dương	Mạch điện
39. Phạm Doãn Hân	Vật lý chất rắn
40. Phạm Duy Hiền	Vật lý hạt nhân
41. Lý Hòa	Vật lý quang phổ
42. Đinh Văn Hoàng	Vật lý quang phổ
43. Vũ Thanh Khiết	Vật lý thông kê
44. Trần Văn Khoa	Thông điện báo
45. Nguyễn Hữu Minh	Vật lý chất rắn
46. Nguyễn Văn Ngọ	Kỹ thuật vô tuyến điện
47. Hoàng Ninh	Vô tuyến truyền hình
48. Trần Hữu Phát	Trường lượng tử
49. Dương Văn Phi	Cơ lượng tử

50. Nguyễn Nguyên Phong	Vật lý hạt nhân
51. Nguyễn Hoàng Phương	Vật lý lý thuyết
52. Hoàng Sước	Hữu tuyến điện
53. Nguyễn Hữu Tăng	Vật lý thống kê
54. Phan Văn Thích	Vật lý quang phổ
55. Hoàng Hữu Thư	Vật lý hạt nhân
56. Bùi Minh Tiêu	Cơ sở vô tuyến điện
57. Phạm Quý Tư	Vật lý lý thuyết
58. Trần Thúc Vân	Truyền sóng
59. Nguyễn Hữu Xí	Vật lý hạt nhân

III. Liên ngành hóa học, công nghệ hóa học và công nghệ thực phẩm.

60. Trần Đức Ba	Máy lạnh
61. Bùi Văn Chén	Si-li-cát
62. Lê Chúc	Hóa vô cơ
63. Nguyễn Cương	Phương pháp giảng dạy hóa
64. Cẩm Thịnh Cường	Hóa phân tích
65. Kiều Đình	Hóa vô cơ
66. Nguyễn Tinh Dung	Hóa phân tích
67. Trần Công Khanh	Hóa hữu cơ
68. Nguyễn Hữu Khôi	Hóa hữu cơ
69. Trịnh Xuân Khuê	Hóa lý
70. Trương Ngọc Liên	Hóa kỹ thuật
71. Hoàng Nhâm	Hóa vô cơ
72. Trần Văn Nhân	Hóa lý
73. Đặng Trần Phách	Hóa phân tích
74. Hồ Hữu Phương	Máy hóa chất
75. Nguyễn Ngọc Quang	Phương pháp dạy hóa
76. Nguyễn Qùy	Hóa lý
77. Nguyễn Đình Soa	Hóa vô cơ
78. Phan Tống Sơn	Hóa hữu cơ
79. Trần Quốc Sơn	Hóa hữu cơ
80. Đặng Như Tại	Hóa hữu cơ
81. Hồ Sỹ Thoảng	Hóa lý
82. Ngô Thị Thuận	Hóa hữu cơ
83. Nguyễn Hoa Toàn	Hóa kỹ thuật
84. Nguyễn Minh Tuyển	Máy hóa chất
85. Hoàng Trọng Yêm	Hóa hữu cơ

IV. Ngành sinh học.

86. Thái Trần Bái	Động vật không xương sống
87. Nguyễn Tiến Bản	Thực vật học
88. Lê Doãn Diên	Sinh hóa
89. Nguyễn Lâm Dũng	Vi sinh vật học
90. Trần Phước Đường	Vi sinh vật học
91. Nguyễn Đình Giậu	Động vật có xương sống
92. Nguyễn Như Hiền	Tế bào học
93. Trần Bá Hoàn	Phương pháp giảng dạy sinh vật
94. Phan Nguyên Hồng	Thực vật học
95. Trịnh Bá Hữu	Di truyền thực vật
96. Nguyễn Đình Khoa	Nhân chủng học
97. Trần Kiên	Động vật có xương sống

98. Lê Quang Long	Sinh lý động vật
99. Nguyễn Tài Lương	Sinh lý động vật
100. Phan Cự Nhân	Di truyền động vật học
101. Trần Xuân Nhĩ	Sinh lý người và động vật
102. Lê Văn Nhưong	Vi sinh vật học
103. Võ Quý	Động vật có xương sống
104. Phạm Đình Thái	Sinh lý thực vật
105. Phạm Quốc Thắng	Vi sinh vật học
106. Dương Đức Tiến	Thực vật học
107. Lương Ngọc Toàn	Phân loại thực vật
108. Lê Xuân Tú	Lý sinh
109. Đặng Văn Viện	Di truyền học
110. Mai Đình Yên	Động vật có xương sống

V. Nông, lâm, ngư nghiệp.

111. Đường Hồng Dật	Bảo vệ thực vật
112. Lưu Trọng Hiếu	Chăn nuôi – sinh lý gia súc
113. Ngô Văn Hoàng	Cây công nghiệp
114. Điền Văn Hưng	Chăn nuôi thú y
115. Cao Liêm	Thỏ nhưỡng
116. Lê Văn Liêm	Trồng dâu nuôi tằm
117. Trần Đình Miên	Giống gia súc
118. Trần Nhơn	Giống gia súc
119. Nguyễn Vĩnh Phước	Thú ý
120. Nguyễn Hữu Quang	Công nghiệp chế biến gỗ
121. Đỗ Ngọc Quý	Cây công nghiệp
122. Nguyễn Văn Thạnh	Côn trùng hại nông nghiệp
123. Trần Thế Thông	Kỹ thuật chăn nuôi
124. Nguyễn Văn Thường	Chăn nuôi gia súc
125. Ngô Nhật Tiên	Đất rừng
126. Trương Công Tín	Nông hóa thỏ nhưỡng
127. Nguyễn Hải Tuất	Thống kê và điều tra rừng
128. Dương Văn Vẽ	Công cụ về kỹ thuật đánh cá

VI. Liên ngành cơ khí, luyện kim, năng lượng và động lực học.

129. Nguyễn Bình	Điện khí hóa xí nghiệp
130. Nguyễn Văn Bình	Ô tô máy kéo
131. Nguyễn Ngọc Cẩn	Máy cắt kim loại
132. Lê Văn Chiêu	Cơ học vũ khí, khí tài
133. Hoàng Kim Cơ	Lò luyện kim
134. Nguyễn Giảng	Rèn dập
135. Đặng Vũ Giao	Công nghệ chế tạo máy
136. Nguyễn Cư Hải	Máy thủy lực
137. Vũ Gia Hạnh	Máy điện
138. Hoàng Hữu Hiên	Cơ điện mỏ
139. Nguyễn Trọng Hiệp	Chi tiết máy
140. Huỳnh Văn Hoàng	Máy nâng chuyển
141. Nguyễn Văn Hồi	Máy làm đất
142. Trần Thị Nhị Hương	Chi tiết máy nông nghiệp
143. Nguyễn Bội Khuê	Nhà máy điện
144. Mai Kỳ	Luyện kim màu
145. Lê Văn Lai	Ô tô máy kéo

146. Nguyễn Ngọc Lê	Chế tạo máy
147. Bùi Trọng Lưu	Sức bền vật liệu
148. Tạ Bá Miên	Kỹ thuật điện
149. Phùng Việt Ngu	Luyện kim màu
150. Cao Hồng Phong	Cơ dẹt
151. Trần Hồng Quân	Công nghệ chế tạo máy
152. Nguyễn Trọng Quế	Đo lường điện
153. Nguyễn Văn Tài	Thiết kế vũ khí, khí tài
154. Nguyễn Xuân Tài	Ô tô máy kéo
155. Nguyễn Bình Thành	Kỹ thuật điện
156. Bùi Lê Thiện	Ô tô máy kéo
157. Nguyễn Đức Thừa	Luyện kim đen
158. Nguyễn Tất Tiến	Ô tô máy kéo
159. Hà Học Trạc	Hệ thống mạng điện
160. Nguyễn Anh Tuấn	Máy cắt kim loại
161. Trịnh Văn Tự	Dao cắt kim loại
162. Nguyễn An Vĩnh	Cơ khí chính xác
163. Nguyễn Văn Vượng	Sức bền vật liệu

VII. Liên ngành xây dựng, thủy lợi và giao thông.

164. Lê Quý An	Cơ học đất nền móng
165. Nguyễn Xuân Bảo	Kết cấu bê tông cốt thép
166. Lê Thạc Cán	Thủy văn
167. Trần Ngọc Chấn	Thông gió, cấp nhiệt
168. Hà Huy Cương	Đường sân bay
169. Nguyễn Văn Đạt	Kết cấu công trình
170. Nguyễn Xuân Đăng	Thủy công
171. Đỗ Doãn Hải	Cầu
172. Nguyễn Sinh Huy	Thủy văn công trình
173. Nguyễn Mạnh Kiểm	Công trình bê tông
174. Đỗ Khang	Thủy công
175. Nguyễn Như Khuê	Thủy lực
176. Bùi Khương	Kết cấu cầu
177. Đào Khương	Thủy lợi
178. Thái Văn Lễ	Thủy lợi
179. Nguyễn Xuân Mẫn	Nền đường ô tô
180. Nguyễn Nghi	Kiến trúc
181. Phạm Hữu Phúc	Cầu
182. Nguyễn Nhật Quang	Công chính
183. Vũ Văn Tào	Thủy lực
184. Hoàng Văn Tân	Cơ học đất nền móng
185. Trương Thao	Quy hoạch đô thị
186. Võ Văn Thảo	Xây dựng
187. Lê Văn Thường	Cầu đường
188. Phạm Văn Toàn	Đường ô tô
189. Nguyễn Trâm	Cầu hầm
190. Lê Thọ Trình	Cơ học kết cấu công trình
191. Nguyễn Xuân Trường	Thủy công
192. Trương Tùng	Kiến trúc
193. Nguyễn Văn Tuyên	Đường sắt
194. Vũ Tất Uyên	Thủy lực
195. Nguyễn Văn Yên	Kết cấu thép

VIII. Liên ngành khoa học về trái đất.

196. Trương Biên	Khoan thăm dò
197. Ngô Văn Bru	Địa vật lý
198. Trần Đình Gián	Địa lý
199. Dương Xuân Hảo	Địa chất
200. Phạm Văn Hiên	Khai thác mỏ lộ thiên
201. Trần Văn Huỳnh	Khai thác hầm lò
202. Quan Hán Khang	Tinh thể học
203. Vũ Bội Kiêm	Khí tượng
204. Vũ Ngọc Kỳ	Địa chất thủy văn
205. Võ Năng Lạc	Địa chất
206. Tô Linh	Địa chất
207. Tăng Mười	Địa vật lý
208. Nguyễn Viết Phổ	Thủy văn
209. Nguyễn Văn Quý	Dự báo thời tiết
210. Nguyễn Thanh	Địa chất công trình
211. Lê Bá Thảo	Địa lý
212. Lâm Quang Thiệp	Địa vật lý
213. Đặng Trung Thuận	Địa hóa
214. Đặng Văn Thư	Dự báo thời tiết
215. Lê Quý Thúc	Đo đạc bản đồ

IX. Liên ngành y và dược học.

216. Trịnh Kim Ảnh	Nội khoa
217. Trần Thị Ân	Dược hóa sinh
218. Nguyễn Văn Âu	Nội khoa truyền nhiễm
219. Hoàng Tiến Bảo	Y khoa - ngoại xương
220. Đàm Trung Bảo	Dược hóa vô cơ
221. Đặng Đức Bảo	Vệ sinh lao động
222. Nguyễn Hữu Bẩy	Dược kiểm nghiệm
223. Lê Quang Cát	Giải phẫu học
224. Nguyễn Cận	Sản khoa
225. Nguyễn Hữu Chấn	Y hóa sinh
226. Hoàng Đức Chấn	Ví rút học
227. Hoàng Bảo Châu	Đông y
228. Đặng Kim Châu	Ngoại xương
229. Lê Hải Chi	Nội khoa tâm thần
230. Trần Mạnh Chu	Ngoại khoa tiết niệu

231. Vũ Văn Chuyên	Dược thực vật học
232. Vũ Tá Cúc	Độc xạ
233. Lê Kinh Duệ	Da liễu
234. Trịnh Bình Dy	Sinh lý học
235. Đỗ Doãn Đại	Dược lý
236. Ngô Vi Đại	Vi sinh vật y học
237. Lê Cao Đài	Ngoại lồng ngực
238. Trương Xuân Đàn	Huyết học truyền máu
239. Phạm Phan Địch	Tổ chức học
240. Nguyễn Xuân Hiền	Da liễu
241. Lê Vỹ Hùng	Vệ sinh dịch tễ
242. Nguyễn Kim Hùng	Dược hóa sinh
243. Hoàng Tích Huyền	Dược lý
244. Nguyễn Khang	Dược hóa hữu cơ
245. Đặng Hanh Khôi	Dược
246. Trần Lưu Khôi	Nội khoa dã chiến
247. Tô Như Khuê	Sinh lý lao động
248. Vũ Trọng Kính	Ngoại khoa chấn thương
249. Tôn Đức Lang	Gây mê hồi sức
250. Nguyễn Sĩ Lâm	Nội tiêu hóa
251. Ngô Ứng Long	Dược lý học
252. Vũ Ngọc Lộ	Dược liệu
253. Đỗ Đình Luận	Nội lao
254. Nguyễn Hữu Mô	Sinh lý bệnh
255. Đoàn Xuân Mượng	Vi rút học
256. Nguyễn Thiện Nghị	Sinh hóa
257. Phan Sĩ Nhân	Nội tim mạch
258. Nguyễn Văn Nhân	Chấn thương chỉnh hình
259. Đoàn Thị Nhu	Dược lý
260. Vũ Thị Phan	Côn trùng học và ký sinh trùng sốt rét
261. Nguyễn Huy Phan	Phẫu thuật tạo hình về hàm mặt
262. Vũ Văn Phong	Ký sinh trùng y học
263. Nguyễn Hưng Phúc	Độc học và phòng hóa
264. Đặng Hanh Phúc	Dược hóa sinh
265. Lê Văn Phước	Y tổ chức học
266. Ngô Thế Phương	Sinh lý nội tiết
267. Nguyễn Ái Phương	Dịch tễ học
268. Võ Thế Quang	Nha khoa

269. Nguyễn Gia Quyền	Giải phẫu bệnh lý
270. Đặng Ngọc Quỳnh	Vi sinh vật y học
271. Bùi Thế Sinh	Tổ chức chiến thuật quân y
272. Bùi Xuân Tám	Nội khoa lao phổi
273. Nguyễn Quý Tảo	Giải phẫu bệnh lý
274. Võ Tấn	Tai mũi họng
275. Vũ Duy Thanh	Ngoại bụng
276. Nguyễn Văn Thọ	Ngoại lồng ngực và tim mạch
277. Hoàng Thị Thục	Răng miệng
278. Nguyễn Công Thụy	Y học phóng xạ
279. Lê Quang Toàn	Hóa dược
280. Đào Xuân Trà	Mắt
281. Vi Huyền Trác	Giải phẫu bệnh
282. Nguyễn Bửu Triều	Ngoại tiết niệu
283. Lê Thế Trung	Ngoại chấn thương - bỏng
284. Đặng Hiếu Trung	Tai mũi họng
285. Hoàng Tuấn	Nội thận
286. Bùi Tung	Ngoại khoa chấn thương
287. Chu Văn Tường	Nhi khoa
288. Nguyễn Xuân Ty	Ngoại lồng ngực
289. Đặng Thị Hồng Vân	Bào chế
290. Phạm Gia Văn	Giải phẫu
291. Trần Quang Việp	Chẩn đoán điện quang
292. Nguyễn Việt	Y thần kinh

X. Liên ngành khoa học kinh tế.

293. Trần Đình Bút	Kế hoạch hóa
294. Ngô Văn Cân	Kinh tế nông nghiệp
295. Nguyễn Quốc Cừ	Thương phẩm
296. Nguyễn Tấn Cừ	Thông kê công nghiệp
297. Hoàng Đạt	Thương phẩm
298. Nguyễn Huy	Kinh tế nông nghiệp
299. Nguyễn Mai	Kinh tế thương nghiệp
300. Nguyễn Đình Nam	Kinh tế nông nghiệp
301. Nguyễn Xuân Ngà	Vật giá
302. Nguyễn Pháp	Kinh tế nông nghiệp
303. Nguyễn Gia Thụ	Hạch toán kinh tế
304. Phan Văn Tiêm	Vật giá

305. Lê Văn Toàn	Thống kê nông nghiệp
306. Phùng Thế Trường	Kinh tế lao động
307. Lê Vinh (Nguyễn Gia Tuyền)	Kinh tế công nghiệp

XI. Liên ngành khoa học xã hội.

308. Tạ Bôn	Âm nhạc
309. Nguyễn Đông Chi	Văn sử
310. Bùi Trương Chính	Văn học
311. Phan Hữu Dật	Dân tộc học
312. Nguyễn Hàm Dương	Ngôn ngữ học
313. Trần Thanh Đạm	Văn học
314. Bé Viết Đăng	Dân tộc học
315. Nguyễn Xuân Đào (Văn Tạo)	Sử học
316. Mạc Đường	Dân tộc học
317. Nguyễn Văn Hạnh	Văn học
318. Đỗ Đức Hiểu	Văn học
319. Trịnh Công Hồng	Sử học
(Nguyễn Hồng Phong)	
320. Lê Hữu Kiều (Nam Mộc)	Văn học
321. Đinh Xuân Lâm	Sử học
322. Lưu Văn Lãng	Ngôn ngữ học
323. Phan Ngọc Liên	Sử học
324. Trần Tiến Lộc	Âm nhạc
325. Huỳnh Lý	Văn học
326. Hoàng Như Mai	Văn học
327. Nguyễn Đức Minh	Tâm lý học
328. Nguyễn Văn Nghĩa	Triết học
329. Nguyễn Bích Ngọc	Âm nhạc
330. Lương Xuân Nhị	Hội họa
331. Bùi Văn Nguyên	Văn học
332. Hà Thế Ngữ	Giáo dục học
333. Nguyễn Đức Nùng	Hội họa
334. Hoàng Phê	Ngôn ngữ học
335. Vũ Đức Phúc	Văn học
336. Trương Hữu Quýnh	Sử học
337. Nguyễn Phước Sanh	Điêu khắc
338. Huỳnh Tấn Sỹ	Âm nhạc

339. Nguyễn Chiêm Tế	Sử học
340. Bùi Đình Thanh	Sử học
341. Dương Thị Hoa	Triết học
342. Nguyễn Văn Thương	Âm nhạc
343. Nguyễn Trác	Văn học
344. Nguyễn Văn Tu	Ngôn ngữ học
345. Vương Hoàng Tuyên	Dân tộc học
346. Bùi Gia Tường	Âm nhạc
347. Đặng Nghiêm Vạn	Dân tộc học

(Ba trăm bốn mươi bảy phó giáo sư)